

Số: /BC-UBND

Định Hóa, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Định Hóa

Thực hiện Công văn số 5673/BLĐTBXH-VPQGNN, ngày 12/11/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đánh giá việc thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; Công văn số 6728/UBND-KGVX ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc đánh giá việc thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

UBND huyện Định Hóa báo cáo đánh giá việc thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025, nội dung như sau:

PHẦN A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. VỀ QUY ĐỊNH CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU

1. Về các tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

2. Về tiêu chí xác định hộ có mức sống trung bình

Xác định hộ có mức sống trung bình dựa trên 2 tiêu chí sau:

- Đối tượng xác định: Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp.

- Mức thu nhập bình quân đầu người:

+ Hộ gia đình có mức sống trung bình khu vực nông thôn: có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

+ Hộ gia đình có mức sống trung bình khu vực thành thị: có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

II. VỀ QUY TRÌNH RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH

1. Về quy trình rà soát, xác định

Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về thu thập thông tin, tính điểm để ước lượng thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo

Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

- Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo phù hợp với chuẩn nghèo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP. Quá trình rà soát phải bảo đảm thông tin đầy đủ theo các phụ lục I đến phụ lục VII và tổng hợp vào các mẫu số từ 7.1 đến 7.11 tại phụ lục VII kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Phụ lục I, II, V, VI và các biểu mẫu từ biểu mẫu số 7.1 đến biểu mẫu số 7.7 và biểu mẫu số 7.11 thực hiện theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; Phụ lục III, IV và các biểu mẫu số 7.8, 7.9, 7.10 thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH).

- Đối với mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A), khu vực nông thôn là 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; khu vực thành thị là 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

3. Về thu thập thông tin xác định mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn/bản và rà soát viên sử dụng Phiếu B (B2) theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

4. Về thu thập thông tin xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

Việc xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư.

III. VỀ THỰC HIỆN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Công tác tuyên truyền, triển khai chuẩn nghèo đa chiều

Ngay sau khi Chính phủ ban hành chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, UBND huyện đã tích cực triển khai các hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn phổ biến về các tiêu chí đánh giá nghèo mới theo chuẩn đa chiều. Các tiêu chí này không chỉ bao gồm mức thu nhập mà còn đánh giá các điều kiện sống như nhà ở, y tế, giáo dục và mức độ tiếp cận các dịch vụ. Kết quả, từ năm 2022 - 2024 đã tổ chức 24 hội nghị nâng cao năng lực và hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 cho trên 552 lượt thành

viên Ban Chỉ đạo cấp xã, rà soát viên hộ nghèo các xóm, tổ dân phố.

Hàng năm trước khi tiến hành rà soát, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn, Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thông phối hợp với Ủy ban MTTQ và các đoàn thể các cấp, các đơn vị địa phương tích cực tuyên truyền trên Trang Thông tin điện tử huyện, xây dựng các tin bài, phóng sự về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới. Đồng thời chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh không dây, tuyên truyền các văn bản liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên đài, cổng thông tin điện tử, hệ thống loa truyền thanh của xã, của xóm và thông qua các cuộc họp, hội thi tìm hiểu kiến thức, các nền tảng xã hội để triển khai các văn bản đến 100% xóm, tổ dân phố và người dân về nội dung của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 18/7/2021, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn. Qua đó, đa số người dân trên địa bàn đã nắm được các tiêu chí của chuẩn nghèo đa chiều và cách thức để hưởng các chính sách hỗ trợ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, công tác tuyên truyền vẫn gặp phải khó khăn, đặc biệt tại các xóm bản xa trung tâm do điều kiện giao thông khó khăn, chưa có cụm loa hoặc sóng điện thoại, mạng internet còn có điểm chưa có hoặc yếu và trình độ dân trí thấp... nên còn một bộ phận nhỏ người dân vẫn chưa nắm được các chủ trương chính sách của Nhà nước để viết giấy đề nghị rà soát theo mẫu hoặc chưa hiểu rõ các bước thực hiện quy trình rà soát trong giai đoạn 2022-2025.

2. Kết quả ban hành chuẩn nghèo của địa phương

Trên địa bàn huyện không ban hành chuẩn nghèo riêng mà thực hiện theo chuẩn nghèo của Chính phủ được ban hành tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ.

3. Kết quả thực hiện các giải pháp để nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân

Để nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân trên địa bàn, UBND huyện Định Hóa đã thực hiện nhiều giải pháp một cách đồng bộ, có trọng tâm, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nghề, ... những giải pháp này bước đầu đã mang lại nhiều kết quả. Thu nhập của người dân được tăng lên, người dân được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản và sử dụng có hiệu quả. Cụ thể như sau:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm

nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững. Mở các lớp đào tạo nghề nông thôn tạo điều kiện cho người dân tự tạo việc làm kiếm thêm thu nhập.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội: nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, sử dụng dịch vụ y tế có chất lượng tại y tế cơ sở. Triển khai cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh và quản lý sức khỏe người dân, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghiệp vụ, tư vấn khám, tư vấn điều trị. Hiện nay, 22/22 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; Chất lượng giáo dục: phổ cập giáo dục duy trì, giữ vững và nâng cao các tiêu chí duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tại 22/22 xã, thị trấn; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, ... Thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát theo các chương trình, phấn đấu đến hết năm 2025 không còn nhà tạm, nhà dột nát. Hầu hết các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn về nhà ở trên địa bàn được hỗ trợ về nhà ở.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách, dự án, chương trình giảm nghèo, đảm bảo tính minh bạch, công khai, dân chủ.

4. Tổng nguồn lực huy động để thực hiện chuẩn nghèo

Tổng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, giai đoạn 2021- 2024 trên địa bàn

- Tổng số vốn được phân bổ: 21.148,33 triệu đồng, trong đó:
 - + Ngân sách Trung ương : 18.487 triệu đồng;
 - + Ngân sách tỉnh : 1.862,33 triệu đồng;
 - + Ngân sách huyện : 799 triệu đồng;
- Nguồn vốn huy động khác:
 - + Nguồn vốn tín dụng qua Ngân hàng CSXH huyện: 422.523 triệu đồng cho 6.579 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
 - + Hỗ trợ tiền điện cho 10.120 hộ nghèo với số tiền 5.681,4 triệu đồng;
 - + Hỗ trợ tiền qua hệ thống y tế (hỗ trợ thẻ BHYT, tiền ăn, chi phí khám chữa bệnh) là 25.925 người với số tiền 19.514,03 triệu đồng;
 - + Hỗ trợ qua hệ thống giáo dục là 12.805 triệu đồng cho 17.853 đối tượng;
 - + Hỗ trợ nhà ở là 1161 hộ với số tiền 66.500 triệu đồng.

5. Kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân

- Kết quả đạt được: Quy định chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 của Chính phủ và bộ công cụ rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua việc tính

điểm các thông tin để ước lượng thu nhập, không chấm điểm theo giá trị của từng tài sản của hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được đặt trong mối tương qua logic và khoa học giữa các chỉ tiêu về cơ bản đã xác định, phân loại được các hộ qua rà soát, đã phản ánh được mức thu nhập thực tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong giai đoạn 2022-2025 và những thiếu hụt các chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội trên địa bàn.

- Hạn chế: Kết quả rà soát tại nhiều hộ chưa phản ánh được thực tế tình trạng hộ, đôi khi cho kết quả trái chiều, ví dụ như: Có hộ rất khó khăn nhưng chấm điểm theo bộ công cụ thì không thuộc hộ cận nghèo hay nghèo, có hộ mặc dù gia đình không có tư liệu sản xuất nhưng các thành viên đều đi làm công ty, có thu nhập cao nhưng qua chấm điểm lại rơi vào khung hộ nghèo, hộ cận nghèo...

- Nguyên nhân: Có nhiều hộ gia đình đã khai báo không đúng, không đủ tài sản và mức thu nhập mà gia đình có; do không tính giá trị tài sản thực tế nên nhiều tài sản của hộ dân gần như hết hạn sử dụng nhưng vẫn được tính điểm; chưa có phần tính thu nhập của người lao động là thành viên hộ; chưa có thang điểm tính người phụ thuộc hoặc suy giảm khả năng lao động ở diện đau ốm, bệnh hiểm nghèo hoặc không có khả năng lao động...

PHẦN B. ĐỀ XUẤT CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. CĂN CỨ, CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

Thực tế kinh tế - xã hội: Tình hình kinh tế - xã hội, căn cứ vào mức sống thực tế hiện nay và giá cả dao động của thị trường của các mặt hàng tiêu dùng, các dịch vụ ngày càng cao đáp ứng nhu cầu thiết yếu của Nhân dân. Các chỉ số về thu nhập và mức sống tối thiểu cần được điều chỉnh để phản ánh đúng nhu cầu của người dân.

Kế thừa từ chuẩn nghèo hiện hành: Chuẩn nghèo đa chiều hiện tại (2022 - 2025) đã giúp cải thiện đáng kể tình trạng nghèo đói, tuy nhiên cần quy định rõ hơn, cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí về các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

II. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

1. Nâng cao mức chuẩn nghèo theo mức lương cơ sở hiện nay.
2. Nghiên cứu đánh giá, ước lượng thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên cả cơ sở giá trị của từng loại tài sản mà hộ sở hữu và đặc biệt
3. Quy định rõ (*hoặc phân cấp UBND cấp tỉnh quy định*) về các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội như: Việc làm, thu nhập, tài sản, người phụ thuộc và các dịch vụ xã hội thiết yếu khác, ... đảm bảo phù hợp với thực tế của từng vùng miền, từng địa phương.

III. CÁC VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Tăng mức chuẩn nghèo để phù hợp với mức lương cơ sở và phản ánh sự phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương.

2. Nghiên cứu tính điểm các thông tin về giá trị từng tài sản hộ gia đình sở hữu, thu nhập của thành viên trong độ tuổi lao động trong hộ gia đình, người phụ thuộc

3. Các chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản

Trên đây là Báo cáo đánh giá việc thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Định Hóa./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Sáng